

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng
Trường Đại học Văn Lang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-KĐCLGDSG ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 616/KH-KĐCLGDSG ngày 16 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành kế hoạch tổ chức phiên họp lần thứ 10 của Hội đồng KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-KĐCLGDSG ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Văn Lang;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Đông phương học; Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ 10 ngày 07 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đoàn Đánh giá ngoài Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Văn Lang đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục độc lập, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:

Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỉ lệ 94,00 %; trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”.

Điểm trung bình của các tiêu chí là: 4,14 (chi tiết trong Phụ lục 1).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Văn Lang cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2028), được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng (chi tiết trong Phụ lục 2).

Điều 3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Văn Lang đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học cho ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Văn Lang./.

Nơi nhận:

- Trường ĐHVLT (để thực hiện);
- Phòng ĐG&CNCLGD (để giám sát);
- Lưu: VT.



NGUYỄN KIM DUNG

PHỤ LỤC 1.

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG CHỨC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 07/01/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7							
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,20	5	100			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	5						
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4						
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8							
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,40	5	100			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	5						
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5						
Tiêu chuẩn 4		4,33	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,60	5	100			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5						
Tiêu chí 4.2	5				Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	5									
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	5						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10							
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4						
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3	3,83	5	83,33			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100	Tiêu chí 10.4	4						
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11							
Tiêu chí 6.4	5				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	5						
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4						
					Tiêu chí 11.5	4	4,20	5	100			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt					Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4,14					47					94,00		

PHỤ LỤC 2

KIỆN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐKĐCLGD ngày 07/01/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Văn Lang (Trường) đã được Trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu xã hội, phù hợp xu hướng quốc tế. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, mô tả cụ thể, đánh giá được các mức độ cần đạt của người học sau khi tốt nghiệp; bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học đã được quy định tại Luật Giáo dục. Chuẩn đầu ra phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia của cán bộ quản lý, giảng viên, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng, các chuyên gia trong các lần rà soát. Chuẩn đầu ra đã được công bố công khai, rộng rãi, bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành, được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. So với phiên bản các năm 2018 và 219, phiên bản các năm 2020, 2021 và 2022 có bổ sung và thay đổi một số học phần. Các đề cương chi tiết nhìn chung đầy đủ thông tin và được rà soát cập nhật bổ sung, điều chỉnh theo kế hoạch chung của Trường. Bản mô tả chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan có thể tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết một cách dễ dàng và thuận tiện.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các nội dung yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (thể hiện thông qua ma trận phân nhiệm ITU của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cho các môn học). Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học khá phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Điều này được thể hiện qua ma trận kỹ năng và ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Hầu hết các học phần trong chương trình dạy học tương thích về nội dung với chuẩn đầu ra và đóng góp cụ thể vào việc đạt được chuẩn đầu ra. Các học phần trong chương trình dạy học có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Chương trình dạy học được rà soát, bổ sung hằng năm và được điều chỉnh cập nhật 02 năm/lần (2020 và 2022) có tham khảo chương trình đào tạo của các Trường đại học trong nước và quốc tế.

4. Trường đã có văn bản chính thức tuyên bố về triết lý giáo dục của Trường. Toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học hiểu rõ ý nghĩa triết lý giáo dục của Trường và đã chuyên tâm vào các hoạt động của mình. Triết lý giáo dục của Trường đã được phổ biến đầy đủ đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Để đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Trường và Khoa đã yêu cầu giảng viên lựa chọn, sử dụng và

hướng dẫn người học sử dụng các phương pháp giảng dạy phong phú và hiệu quả. Hầu hết giảng viên và người học đều hài lòng về các hoạt động dạy học/phương pháp dạy và học đang được thực hiện trong quá trình giảng dạy và học tập. Tất cả các đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng đã mô tả rõ các phương pháp giảng dạy khá phù hợp có chú ý đến khả năng tự học tự nghiên cứu của người học. Các phương pháp giảng dạy được giảng viên sử dụng đã góp phần hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Trường đã ban hành đầy đủ các quy định về đánh giá kết quả của người học trong quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong quy chế thi kiểm tra, đánh giá học phần và trong quy trình thi kết thúc học phần. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thiết kế tương ứng với mục tiêu đạt chuẩn đầu ra. Giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá như: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ với nhiều hình thức như thi viết, thi trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn và một số hình thức khác. Các quy định về đánh giá kết quả học tập, về phản hồi về kết quả học tập, về khiếu nại kết quả học tập, phúc khảo được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau và người học dễ dàng tiếp cận. Người học hài lòng với kết quả xử lý các khiếu nại về kết quả học tập.

6. Trường có xây dựng, triển khai kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025; giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030. Trường có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa có trình độ phù hợp với yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của ngành. Tỷ lệ giảng viên/người học qua các năm đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đáp ứng chuẩn quy định hiện hành. Hằng năm, năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa được xác định và đáp ứng các quy định. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và bố trí công tác của các giảng viên được thực hiện minh bạch, công khai theo đúng quy trình. Khối lượng công việc giảng viên được đo lường và đánh giá rõ ràng, làm căn cứ cho các hoạt động đánh giá và khen thưởng. Các nghiên cứu khoa học được đầu tư và phát triển trong những năm gần đây với số lượng đề tài, bài báo khoa học được xuất bản trên các tạp chí có uy tín ngày càng tăng, góp phần nâng cao vị thế đào tạo của Trường.

7. Trường đã ban hành chiến lược phát triển Trường, trong đó có chiến lược và quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên. Trường đã thực hiện ký kết Thỏa ước lao động tập thể giữa người sử dụng lao động (Hiệu trưởng) và đại diện tập thể người lao động (Chủ tịch Công đoàn) để bảo vệ quyền lợi của người lao động. Đội ngũ nhân viên 226 người thông hiểu nghiệp vụ, về cơ bản, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của 1.848 giảng viên và 42.882 người học. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở mô tả vị trí việc làm và những năng lực cần có để hoàn thành nhiệm vụ. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được công bố công khai trên các phương tiện thông tin khác nhau. Năng lực của đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng thành các tiêu chí có trọng số khác nhau và được lượng hóa khi đánh giá. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được quan tâm, đầu tư. Việc quản lý theo kết quả công việc và khen thưởng được triển khai và thực hiện hằng năm.

8. Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh có chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đúng quy định và được cập nhật. Có bộ phận chuyên trách, có quy trình/quy định giám sát tốt sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ đều có kế hoạch và triển khai hiệu quả. Có các chính sách

học bổng hỗ trợ người học. Có tư vấn, hỗ trợ và triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học. Trường có môi trường làm việc thân thiện, hấp dẫn, văn minh, hiện đại, an toàn.

9. Trường có hệ thống công nghệ thông tin (hạ tầng mạng, đường truyền internet, hệ thống wifi) do Phòng Công nghệ Thông tin phụ trách đảm bảo ổn định cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, định kỳ có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng theo quy định. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị phù hợp để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trang thiết bị tại các phòng học, phòng làm việc được theo dõi, quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên, luôn trong trạng thái hoạt động tốt để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có nguồn học liệu đa dạng với số lượng lớn; thư viện liên kết và trao đổi học liệu với nhiều thư viện trong và ngoài nước; có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Trường đầu tư nguồn kinh phí lớn để cập nhật tài liệu cả bản in và bản điện tử phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu của các chương trình đào tạo. Trường trang bị các phòng Lab thực hành Tin học, Ngoại ngữ, phòng Studio, phòng máy thông minh, phòng thực tế ảo, phòng diễn án đáp ứng yêu cầu về thực hành của các chương trình đào tạo. Trường đã ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn; đã triển khai nhiều hoạt động về tập huấn phòng cháy chữa cháy, ký hợp đồng dịch vụ vệ sinh với các đơn vị bên ngoài. Bộ phận y tế Trường có đủ nhân lực và trang thiết bị để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động và người học. Giảng viên, nhân viên, người học hài lòng về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

10. Trường đã có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình thiết kế, xây dựng và rà soát chương trình dạy học. Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được Trường/Khoa thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Trường đã có quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học và đã tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến theo quy trình. Trường đã thực hiện đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Các phản ánh của người học và giảng viên, đề xuất của các đơn vị được Trường xem xét cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống về các quy định, hướng dẫn thực hiện; có sự phân nhiệm cho các đơn vị chức năng, các đơn vị đào tạo, được quy định trong các văn bản do Trường ban hành. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được rà soát, đánh giá và được cải tiến.

11. Trường có hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý dữ liệu người học do Phòng Đào tạo quản lý. Phòng Đào tạo của Trường có xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học với các chương trình đào tạo khác trong Trường. Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo phối hợp với Khoa/bộ môn thực hiện khảo sát hằng năm về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp nhằm có các số liệu về tình trạng của người học tốt nghiệp và đối sánh với các chương trình đào tạo tương tự khác của Trường. Trường/Khoa có nhiều hình thức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng.

II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Trường/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Trường/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo

1. Trong các lần rà soát, bổ sung chương trình đào tạo, Trường/Khoa cần lưu ý bảo đảm cho mục tiêu chung của chương trình đào tạo được ổn định và có tính xuyên suốt so với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Trong các đợt rà soát bổ sung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Trường/Khoa cần lưu ý bảo đảm số lượng chuẩn đầu ra tương đối ổn định, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Trường và Khoa cần đa dạng hóa

hình thức lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng để có thể thu thập được nhiều ý kiến hơn, từ đó nâng cao hiệu quả công tác khảo sát. Trường cần tiến hành phân tích kỹ và đầy đủ hơn ý kiến các bên liên quan để có cơ sở khoa học cho việc rà soát, bổ sung và chỉnh sửa cũng như cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Trường/Khoa cần xây dựng và có văn bản ban hành bản mô tả chương trình đào tạo riêng, theo đúng quy định hiện hành. Khoa và bộ môn cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa việc trình bày ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra môn học (CLO) để đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO/PI) ở một số học phần. Cần rà soát, bổ sung số lượng rubrics vào phụ lục của một số đề cương chi tiết để tương ứng với các hình thức kiểm tra, đánh giá đã xác định trong đề cương chi tiết. Trường/Khoa nên tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về khả năng và mức độ thuận tiện trong việc tiếp cận chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết đã được Trường công bố công khai, để có những điều chỉnh cho phù hợp.

3. Trường cần xây dựng và ban hành chương trình dạy học riêng thay vì tích hợp vào chương trình đào tạo như một bộ phận cấu thành của chương trình đào tạo, cho đúng với quy định hiện hành. Trường/Khoa cần có kế hoạch rà soát ma trận kỹ năng của chương trình đào tạo để xác định và điều chỉnh vị trí, đóng góp của các học phần trong việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Khoa/bộ môn cần rà soát và điều chỉnh nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá trong một số học phần nhằm đảm bảo sự tương thích và thể hiện rõ sự đóng góp cụ thể, hỗ trợ nhau để đạt được chuẩn đầu ra. Khi thực hiện tham khảo các chương trình đào tạo ngoài Trường, bên cạnh việc lập bảng đối sánh, cần phân tích đầy đủ để rút ra các nhận xét cần thiết nhằm bổ sung, cải tiến chương trình đào tạo.

4. Trường cần có văn bản hướng dẫn giảng viên lựa chọn các hoạt động giáo dục và kiểm tra, đánh giá để chuyển tải được ý nghĩa triết lý giáo dục của Trường. Trường/Khoa cần tiếp tục tuyên truyền, giải thích cho các bên liên quan nhất là các đối tượng ngoài Trường biết và hiểu rõ ý nghĩa triết lý giáo dục để phối hợp thực hiện các hoạt động của Trường hiệu quả hơn. Trường/Khoa nên tổ chức đánh giá mức độ tác động của các phương pháp giảng dạy đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy và góp phần đạt chuẩn đầu ra. Khoa/bộ môn nên có chủ trương cho phép người học đăng ký học chương trình đào tạo thứ 2 để có thể mở rộng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Trường/Khoa cần tăng cường hơn nữa trong việc trang bị cho người học các kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng vượt qua áp lực công việc trong giai đoạn đầu nhận việc làm.

5. Trường cần sớm tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung và cập nhật một số nội dung trong hướng dẫn thiết kế phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học và đánh giá chất lượng đề thi cho phù hợp với thực tế, đặc biệt cần chú ý đến công tác tổ chức thi trong điều kiện dạy và học trực tuyến. Trường cần có quy định việc chấm thi học phần phải do 02 giảng viên đảm nhận theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường/Khoa cần tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá được áp dụng trong các học phần của chương trình đào tạo để có những điều chỉnh, cải tiến. Trường/Khoa nên tiến hành khảo sát về mức độ tác động cũng như hiệu quả trong việc cải tiến học tập của người học sau khi nhận được phản hồi về kết quả học tập.

6. Khoa cần xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn cấp Khoa cho phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên của Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025 và giai đoạn 2020 -2025, tầm nhìn 2030. Qua đó, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn cấp Khoa cần có các chỉ số đánh giá thực hiện công việc. Cần đối sánh với kế hoạch phát triển của Trường và phân tích nguyên nhân những năm chưa đạt được để có cơ

sở cải tiến trong công tác nhân sự. Trường và Khoa cần xác định rõ đặc điểm, tính chất của các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên, để xác định khối lượng công việc cho phù hợp. Trường cần xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) thể hiện đầy đủ năng lực của giảng viên về ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực phục vụ cộng đồng, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Tổ chức khảo sát sự hài lòng của giảng viên về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng của Trường.

7. Trường cần quy hoạch đội ngũ nhân viên giai đoạn 2021-2025 một cách cụ thể hơn. Cần bổ sung đội ngũ nhân viên và có giải pháp để củng cố, ổn định đội ngũ nhân viên. Cần tham khảo ý kiến của các bên liên quan về yêu cầu, tiêu chuẩn đối với vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đối với nhân viên. Cần xem xét lại quy trình đánh giá nhân viên tạo điều kiện cho nhân viên cùng đơn vị được đóng góp ý kiến trong việc đánh giá năng lực và khen thưởng đồng nghiệp.

8. Trường/Khoa cần đa dạng hóa đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các bên liên quan để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được tốt hơn. Trường cần quan tâm hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Khi tổ chức các hoạt động chung, Trường cần quan tâm đến việc người học di chuyển giữa các cơ sở, điểm sinh hoạt để tham gia các hoạt động chung của Trường được thuận lợi hơn.

9. Trường cần ban hành quy định và định kỳ triển khai hoạt động khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng làm việc và các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học để cải tiến chất lượng. Tăng số lượng tài liệu số và đầu tư cung cấp dịch vụ truy cập tài liệu số cho người đọc qua thiết bị di động (app). Định kỳ khảo sát mức độ đáp ứng và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng học Ngoại ngữ, phòng thực hành Tin học; đầu tư nâng cấp hệ thống mạng, tăng băng thông đủ mạnh để đảm bảo hoạt động của wifi và mạng nội bộ thông suốt. Nâng cấp các hệ thống phần mềm quản lý theo hướng tập trung và liên thông dữ liệu, hỗ trợ lãnh đạo trong công tác quản lý và điều hành tương thích với xu hướng chuyển đổi số. Ban hành quy định và triển khai thiết kế các công trình hỗ trợ người khuyết tật ở các khu vực công cộng.

10. Trường cần thực hiện thống kê, phân tích đầy đủ và sâu sắc các nhu cầu nguồn nhân lực và các nội dung phản hồi về chương trình dạy học của các bên liên quan. Trường cần bổ sung vào quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học nội dung: chương trình dạy học sau khi rà soát bổ sung, phải được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành. Trường nên thiết kế và ban hành riêng văn bản quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Trường/Khoa cần có chính sách phù hợp nhằm khuyến khích động viên giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo.

11. Trường/Khoa cần phân tích sâu sắc hơn và dự báo tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm nhằm đưa ra các KPIs và giải pháp giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn hiệu quả hơn. Cần thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng với các chương trình đào tạo tương ứng ở các trường đại học khác trong và ngoài nước. Trường cũng cần có chính sách đồng bộ trong việc đa dạng hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học. Việc định kỳ giám sát và

đánh giá việc triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước là cần thiết cho sự phát triển của Trường/Khoa.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thuộc kiến nghị của Hội đồng, đề nghị Nhà trường và Khoa đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Nhà trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.